

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH TOÁN DIGIPAY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THANH TOÁN DIGIPAY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIGIPAY PAY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DIGIPAY., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107986498

**3. Ngày thành lập:** 06/09/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 28 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website: *digipay.com.vn*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                          | 2620        |
| 2.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                     | 2630        |
| 3.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                             | 4741        |
| 4.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                  | 5820        |
| 5.  | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                          | 6190        |
| 6.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                              | 6201        |
| 7.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                | 6202        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                    | 6209        |
| 9.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                 | 6311        |
| 10. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                         | 9512        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                       | 9521        |
| 12. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ                                                                                            | 6492        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán | 6499(Chính) |
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                     | 6619        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản                                                                                               | 6820 |
| 16. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                 | 2640 |
| 17. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                          | 4742 |
| 18. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6312 |
| 19. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ thương mại điện tử<br>Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử                                                                                                                                               | 6329 |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                            | 4610 |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                | 4651 |
| 22. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 23. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                           | 7320 |
| 24. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                             | 7710 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                       | 8220 |
| 26. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                           | 7020 |
| 27. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                         | 2610 |
| 28. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                 | 4652 |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                    | 4659 |
| 30. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá qua mạng (bán lẻ))                                                                                                                                                                                  | 4791 |
| 31. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ...;<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). | 4799 |
| 32. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                          | 8230 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                | 8299 |
| 34. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                          | 9511 |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức     | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM THỊ KIM HÒA  | Số 44 Bế Văn Đàn, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 3.250.000  | 32.500.000.000        | 65,000    | B6999911                                                                                    |         |
|     |                   |                                                                                          | Tổng số           | 3.250.000  | 32.500.000.000        | 65,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN PHƯƠNG ANH | Số 10 ngõ 281, phố Phương Mai, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 1.000.000  | 10.000.000.000        | 20,000    | 001183010612                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                          | Tổng số           | 1.000.000  | 10.000.000.000        | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGÔ BÁ MẠNH       | Số 49 ngõ 178 Tây Sơn, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 750.000    | 7.500.000.000         | 15,000    | 013578048                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                          | Tổng số           | 750.000    | 7.500.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN PHƯƠNG ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/11/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001183010612

Ngày cấp: 30/09/2015

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 10 ngõ 281, phố Phương Mai, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 10 ngõ 281, phố Phương Mai, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội